

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-5-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 14-01-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17-3-2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 28-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị D trình bày:*

Chị và anh Bùi C tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng

Ngã vào ngày 19-8-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05-2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C công việc bấp bênh, không có thu nhập, không tôn trọng, không hiểu sự hy sinh vất vả của chị mà còn nhiều lần hành hạ, tra tấn tinh thần, nhiều lần đánh đập và hành hung chị, thường xuyên xúc phạm chị. Nay chị không thể chung sống với anh C được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Bùi Duy P, sinh ngày 10-5-2011 và cháu Bùi Thị T, sinh ngày 11-12-2016. Hiện nay cháu P đang ở với anh C, cháu T đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T, giao cháu P cho anh C nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*2. Bị đơn anh Bùi C đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

*3. Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tổng đạt văn bản tố tụng, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị D được ly hôn với anh C. Giao cháu Bùi Duy P, sinh ngày 10-5-2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Thị PT, sinh ngày 11-12-2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Chị D trình bày không có tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Bùi C vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Đoàn Thị D và anh Bùi C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19-8-2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng anh C không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tình tiết, sự kiện mà chị D đưa ra, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào Đơn khởi kiện và trình bày của chị D thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C công việc bấp bênh, không có thu nhập, không tôn trọng, không hiểu sự hy sinh vất vả của chị mà còn nhiều lần hành hạ, tra tấn tinh thần, nhiều lần đánh đập và hành hung chị, thường xuyên xúc phạm chị. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ trình bày, chứng cứ của chị D về tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.3] Chị D và anh C có 02 con chung là cháu Bùi Duy P, sinh ngày 10-5-2011 và cháu Bùi Thị PT, sinh ngày 11-12-2016. Hiện nay cháu P đang ở với anh C, cháu T đang ở với chị D. Cháu P có nguyện vọng muốn ở với ba. Để không làm xáo trộn việc học tập, sinh hoạt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị D trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Đoàn Thị D được ly hôn anh Bùi C.

2. Giao cháu Bùi Duy P, sinh ngày 10-5-2011 cho anh Bùi C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Thị PT, sinh ngày 11-12-2016 cho chị Đoàn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Bùi C và chị Đoàn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Chị Đoàn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006501 ngày 06-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hồng Ánh**